**PHỤ LỤC XI**

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG**

**NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC .**

 *(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2021/NQ-HĐND*

*ngày tháng năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

| **STT** | **Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước**  |
| --- | --- |
| **I** | **Dịch vụ đào tạo.** |
| **1** | **Trình độ Đại học** |
| - | Đào tạo trình độ đại học được thực hiện từ 4 đến 6 năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ 2,5 đến 4 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng chuyên ngành; từ 1,5 đến 2 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng chuyên ngành;  |
| - | Vừa làm vừa học và đào tạo từ xa (là hình thức đào tạo theo các lớp học, khóa học tại cơ sở giáo dục đại học hoặc cơ sở liên kết đào tạo, phù hợp với nhu cầu của người học để thực hiện chương trình đào tạo trình độ đại học) |
| **2** | **Đào tạo trình độ Cao đẳng** |
| **3** | **Đào tạo trình độ Trung cấp** |
| **II** | **Dịch vụ bồi dưỡng.** |
| **1** | **Bồi dưỡng lý luận chính trị** |
| - | Bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý |
| - | Bồi dưỡng lý luận chính trị theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức |
| **2** | **Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh.** |
| - | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý |
| - | Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức |
| **3** | **Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức.** |
| - | Bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương |
| - | Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính và tương đương |
| - | Bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương |
| - | Bồi dưỡng ngạch cán sự và tương đương |
| **4** | **Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý** |
| - | Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Sở và tương đương  |
| - | Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp huyện và tương đương |
| - | Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương |
| - | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 3 |
| - | Bồi dưỡng cập nhật kiến thức đối tượng 4 |
| **5** | **Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp xã.** |
| **6** | **Bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành.**  |
| - | Bồi dưỡng cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức . |
| - | Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. |
| - | Bồi dưỡng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và cán bộ cơ sở (đối tượng không hưởng lương) |
| **7** | **Tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ.** |
| - | Bồi dưỡng cho đối tượng cán bộ, công chức, viên chức |
| - | Bồi dưỡng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và cán bộ cơ sở (đối tượng không hưởng lương). |
| **8** | **Bồi dưỡng ngoại ngữ** |
| **9** | **Bồi dưỡng tin học** |
| **10** | **Bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số.** |